

Số: /2024/QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2024

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH

Bổ sung một số điều của Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2024 của HĐND tỉnh bổ sung Điều 1a vào sau Điều 1 của Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số /TTr-SLĐTBXH ngày /2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung một số điều của Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định

1. Bổ sung Điều 1a sau Điều 1 như sau:

“Điều 1a. Hỗ trợ cải thiện mức sống tối thiểu cho các đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

1. Các đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 0,5 lần so với mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Khi mức chuẩn trợ giúp xã hội được cấp có thẩm quyền điều chỉnh thì mức hỗ trợ thêm cho đối tượng được điều chỉnh theo mức tương ứng.

2. Thời gian, phương thức thực hiện

a) Thời gian thực hiện chính sách hỗ trợ kể từ thời điểm Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2024 có hiệu lực thi hành và được thực hiện thường xuyên, hằng tháng cùng thời điểm chi trả trợ cấp hằng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội.

b) Phương thức chi trả các chính sách hỗ trợ cho đối tượng tại khoản 1 Điều này thực hiện theo phương thức chi trả hiện hành được cấp thẩm quyền quy định đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

3. Nguồn kinh phí: Ngân sách địa phương theo quy định của phân cấp ngân sách hiện hành.”

2. Bổ sung Điều 2a sau Điều 2 như sau:

“Điều 2a. Tổ chức thực hiện hỗ trợ cải thiện mức sống tối thiểu cho các đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành của tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Kiểm tra việc rà soát, thống kê đối tượng; hướng dẫn quy trình, hồ sơ, thủ tục giải quyết chính sách hỗ trợ, quy trình điều chỉnh, thời hưởng chính sách hỗ trợ; hướng dẫn xác định đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ đảm bảo chính xác, đúng đối tượng;

b) Tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện chính sách gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh phân bổ ngân sách cho các địa phương thực hiện chính sách;

c) Theo dõi, kiểm tra, giám sát, tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ với UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan có liên quan trình cấp thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí hằng năm từ nguồn ngân sách tỉnh để đảm bảo thực hiện chính sách cho các đối tượng quy định khoản 1 Điều 1 a; hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố bố trí nguồn ngân sách cấp huyện để thực hiện hỗ trợ cho đối tượng; kiểm tra, thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

3. Bru điện tỉnh và các đơn vị thực hiện dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội có trách nhiệm chi trả chế độ hỗ trợ theo quy định của chính sách này cùng với kỳ (thời điểm) chi trả hàng tháng cho đối tượng, đảm bảo đúng theo danh sách và số tiền hỗ trợ của từng đối tượng do

phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cung cấp; tổng hợp số lượng, danh sách chi trả và số tiền đã chi trả trong tháng gửi phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, quản lý và quyết toán theo quy định.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND xã, phường, thị trấn

a) Hướng dẫn rà soát, lập hồ sơ từng đối tượng và tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố ban hành quyết định trợ cấp cho từng đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách theo quy định;

b) Tổng hợp số lượng, danh sách đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1a Quyết định này gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi, quản lý và báo cáo UBND tỉnh; cập nhật bổ sung thông tin của đối tượng trên phần mềm hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến để theo dõi và thực hiện chính sách cho đối tượng;

c) Trình Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố ban hành Quyết định điều chỉnh mức hỗ trợ cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1a Quyết định này khi mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được cấp có thẩm quyền điều chỉnh; ban hành Quyết định thôi hưởng chính sách hỗ trợ khi các đối tượng không còn đủ điều kiện hưởng chính sách theo quy định;

d) Tham mưu UBND huyện, thị xã, thành phố bố trí ngân sách địa phương cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để phục vụ công tác lập, rà soát, thẩm định hồ sơ, quản lý và tổ chức thực hiện chính sách tại địa phương;

đ) Tổng hợp, bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách cấp huyện để thực hiện cho đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 1a; thực hiện quyết toán nguồn kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

e) Theo dõi, kiểm tra, giám sát, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện với UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính theo quy định.

5. UBND các xã, phường, thị trấn

a) Thông báo nội dung quyết định này trên các phương tiện thông tin của xã, phường, thị trấn và các hình thức tuyên truyền khác để nhân dân, đối tượng được biết, thực hiện chính sách.

b) Chỉ đạo giao nhiệm vụ cho người làm công tác Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu các nội dung sau:

- Tham mưu Chủ tịch UBND cấp xã xét duyệt đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 1a Quyết định này; tổng hợp số lượng kèm theo danh sách từng nhóm đối tượng kèm theo Công văn của UBND cấp xã đề nghị phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định, trình Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định trợ cấp cho từng đối tượng theo mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 1a Quyết định này;

- Thường xuyên theo dõi biến động của đối tượng, kịp thời đề nghị phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định, trình Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành Quyết định điều chỉnh mức hỗ trợ hoặc thôi hưởng chính sách;

- Lập hồ sơ từng đối tượng để theo dõi, quản lý, đồng thời cập nhật thông tin đối tượng vào phần mềm hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến để theo dõi và thực hiện chính sách cho đối tượng;

- Công khai danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách tại trụ sở UBND cấp xã, nhà sinh hoạt thôn, khối phố và thông tin trên đài truyền thanh xã, phường, thị trấn, thôn, khối phố;

c) Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện chính sách với UBND cấp huyện và phòng Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền, phổ biến, giám sát, phản biện chính sách hỗ trợ theo quy định.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Tư pháp, Bưu điện tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ + CVVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, K10, K20.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**